

Bản án số: 57 /2019/HSST
Ngày 22-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh

Ông Trần Xuân Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2019/TLST- HS ngày 03 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh năm 1990; tại thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngụy Đình Th và bà: Trần Thị H; Có vợ: Vi Thị Ng và 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03 tháng 9 năm 2019 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2019 đến ngày 18/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại (có mặt) .

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Phạm Anh L, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cư trú tại: Số nhà 201, đường Ngô Gia Tự, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Luyện Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Hoàng Thế A, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cư trú tại: Số nhà 31, đường Giáp Hải, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Vi Thị Ng, sinh năm 1989 (có mặt);

Cư trú tại: thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Trần Văn D, sinh năm 1990, ở thôn M, xã Nh, huyện Y nảy sinh ý định đi xem nhà ai sở hữu sẽ trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện hành vi Dương tặc chế 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại dài 7,4 cm, có 01 đầu dẹt, 01 đầu hình lục giác và 01 thanh kim loại hình chữ T.

Khoảng 20 giờ ngày 03/5/2019, D cầm theo 01 bộ vạm phá khóa đi ra đường liên thôn thuộc thôn M, xã Nh, huyện Y tìm tài sản, đến nhà chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 ở cùng thôn, D nhìn thấy trong sân có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98B2- 498.02 của mẹ đẻ chị T là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, ở thôn T, xã Đ, huyện Y. Quan sát thấy không có người trông coi, D đi bộ vào trong sân dắt chiếc xe mô tô ra cổng, rồi dùng vạm phá khóa cho vào ổ khóa điện vận, mở được ổ khóa. D điều khiển xe mô tô ra ngoài đường, mở cốp xe mô tô thấy bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 đăng ký xe mô tô đều mang tên Nguyễn Thị H. D cầm giấy đăng ký xe mô tô cất đi, 01 giấy phép lái xe D vứt xuống đường, rồi điều khiển xe mô tô đến Tiểu khu 4, thị trấn N, huyện Y gặp bạn là anh Luyện Văn D1, sinh năm 1990 ở thôn B, xã C, huyện Y, nhờ anh D1 đưa đến thành phố B bán. Anh D1 đưa D đến gặp anh Hoàng Thế A, sinh năm 1988 ở đường Giáp Hải, phường X, thành phố B, nhờ anh Thế A tìm chỗ cầm cố chiếc xe mô tô cho D, thì gặp anh Phạm Anh L, sinh năm 1994, ở số nhà 201, đường Ngô Gia Tự, phường Ng, thành phố B. D nói với anh L là đang cần tiền, muốn bán chiếc xe mô tô cho anh L với giá 9.000.000đ, anh L xem xe và thỏa thuận mua chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 98B2-498.02 với giá 8.100.000đ, D đồng ý và giao xe mô tô cùng đăng ký xe cho anh L. Số

tiền này, D cho D1 2.000.000đ, số tiền còn lại D chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị phát hiện bị mất xem mô tô, ngày 04/6/2019, chị Nguyễn Thị H làm đơn trình báo Công an huyện Y.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, biết hành vi của mình bị phát hiện, Trần Văn D đến Công an huyện Y đầu thú, giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y 01 văm phá khóa bằng kim loại dài 7,4 cm, có 01 đầu dẹt, 01 đầu hình lục giác và khai nhận hành vi của mình, còn thanh kim loại hình chữ T, D khai làm mất và không nhớ đã rơi ở đâu.

Ngày 07/6/2019, anh Phạm Anh L giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y 01 xe mô tô, biển kiểm soát 98B2- 498.02 và 01 đăng ký xe mô tô số 053134.

Ngày 05/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL- ĐGTS ngày 07/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B2- 498.02 trị giá 12.678.000.

Quá trình điều tra D khai: Khoảng 19 giờ ngày 11/5/2019, D cùng Hoàng Văn T2, sinh năm 1990 ở cùng thôn đi đến cổng Trường trung học cơ sở xã Nh, huyện Y thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98M7-8996 của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 ở thôn M, xã Nh, huyện Y để ở khu vực cổng trường, quan sát thấy không có người trông coi, T2 sử dụng văm phá khóa của D mở ổ khóa điện, rồi cùng D đi Bắc Ninh để bán. Trên đường đi, T2 và D dừng xe, kiểm tra cốp xe thấy 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe cơ giới, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đều mang tên Nguyễn Văn T1. T2 và D tìm chỗ bán xe, nhưng không bán được nên đi đến nhà anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982, ở thôn L, xã T, huyện Y gửi chiếc xe mô tô trộm cắp được ở nhà anh T2.

Sau khi biết chiếc xe mô tô mà D gửi là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 08/6/2019, anh T2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y 01 xe mô tô, biển kiểm soát 98M7- 8996, 01 đăng lý xe mô tô, 01 bằng lái xe cơ giới, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đều mang tên Nguyễn Văn T1.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL- ĐGTS ngày 14/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98M7- 8996 trị giá 1.600.000đ.

Cáo trạng số 62A/CT- VKSYD ngày 02 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Y truy tố Trần Văn D về tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Ngày 08 tháng 10 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ban hành Công văn số 88/TB- VKSYD ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc thay đổi một phần nội dung cáo trạng số 62A/CT- VKSYD ngày 02 tháng 10 năm 2019, chỉ truy tố bị cáo D về hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-498.02 có trị giá 12.678.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo tự chế vạm phá khóa để làm công cụ phương tiện trộm cắp xe mô tô. Tội ngày 03 tháng 5 năm 2019, bị cáo ra đường chơi và xem có ai sơ hở xe mô tô thì trộm cắp. Bị cáo đi qua nhà chị T thấy 01 xe mô tô không có người trông coi, bị cáo vào sân dắt xe ra ngoài, dùng vạm phá khóa xe, rồi ngồi lên xe đi đến Tiểu khu 4, thị trấn N nhờ D1 đưa đi tiêu thụ. Bị cáo và D1 mang lên thành phố B bán cho anh L với giá 8.100.000đ, bị cáo cho D1 tổng số 2.100.000đ. Khi bán xe bị cáo nói là xe của bị cáo nên D1, L, A không biết đó là tài sản trộm cắp mà có. Nay bị cáo không yêu cầu D1 trả số tiền 2.100.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Trần Văn D phạm tội “ *Trộm cắp tài sản* ”

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm i, r, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn D từ 04 đến 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ 03 tháng 14 ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/6/2019 đến ngày 18/9/2019). Bị cáo còn phải chấp hành từ 16 ngày đến 01 tháng 16 ngày, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 7,4 cm có 1 đầu dẹt, 1 đầu hình lục giác.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng người đúng tội, bị cáo đồng ý nội dung bản cáo trạng, nhất trí với các kết luận định giá. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận định giá tài sản số 28/KL- ĐGTS ngày 07/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Y và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 03/5/2019, tại sân nhà chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 ở thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trần Văn D, sinh năm 1990, ở thôn M, xã Nh, huyện Y, thấy xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 498.02 của chị Nguyễn Thị H để ở sân nhà chị T không có người trông coi, D vào sân dắt xe ra cổng, dùng vạm phá khóa xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô ra ngoài, mở cốp xe cầm đăng ký xe, vứt giấy phép lái xe của chị H xuống đường, rồi đi đến Tiểu khu 4, thị trấn N, nhờ Luyện Văn D1 đưa lên thành phố B nhờ anh Hoàng Thế A tìm chỗ cầm cố, sau đó bán cho anh Phạm Anh L 8.100.000đ. Chiếc xe mô tô trị giá 12.678.000đ. Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị H được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, bị cáo có nhân thân xấu ngày 11/5/2019 bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô trị giá 1.600.000đ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 Công an huyện Y quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với D. Áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] *Tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đã tác động gia đình hoàn trả tiền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Bị cáo đầu thú. Áp dụng điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm

nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[6] Ngày 11/5/2019 Trần Văn D cùng Hoàng Văn T2 trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M7- 8996 là tài sản của anh Nguyễn Văn T1, tài sản trị giá 1.600.000đ. Hành vi này của D không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Ngày 03 tháng 9 năm 2019, Công an huyện Y quyết định xử phạt hành chính. Viện kiểm sát ban hành Công văn số 88/TB- VKSYD ngày 08 tháng 10 năm 2019 thay đổi cáo trạng không truy tố hành vi trộm cắp tài sản của D ngày 11/5/2019 là đúng pháp luật.

[7] Hoàng Văn T3 hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tách hành vi của T3, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau là có căn cứ. Anh Nguyễn Văn T2 có hành vi cho D và T3 gửi xe mô tô biển kiểm soát 98M7- 8996. Luyện Văn D có hành vi đưa D đi tìm chỗ cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 498.02, Hoàng Thế A biết việc D bán chiếc xe mô tô cho L, Phạm Anh L có hành vi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 498.02, nhưng T2, D1, Thế A và L không biết đó là tài sản D trộm cắp mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] *Trách nhiệm dân sự*: Ngày 08/7/2019, chị Vi Thị Ng, sinh năm 1989 ở thôn M, xã Nh, huyện Y là vợ của Trần Văn D trả anh Phạm Anh L tiền mua và sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 498.02, tổng số 9.000.000. Chị H đã làm lại Giấy phép lái xe. Nay anh L, chị H, chị Ng và anh T1 không yêu cầu D bồi thường gì, bị cáo D không yêu cầu anh D1 trả 2.100.000đ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Vật chứng*: 01 thanh kim loại dài 7,4 cm, có 1 đầu dẹt, 1 đầu hình lục giác là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. 01 thanh kim loại hình chữ T (chiếc tay công), D làm rơi mất, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Quá trình điều tra Trần Văn D tự khai ngày 11/5/2019 bị cáo cùng Hoàng Văn T3 trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 98M7- 8996 của anh Nguyễn Văn T1. Hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Công an

huyện Yên Dũng xử phạt vi phạm hành chính đối với D. Viện kiểm sát ban hành công văn số 88/TB- VKSYD ngày 08 tháng 10 năm 2019 rút 1 phần quyết định truy tố.

Đối với hành vi trộm cắp xe mô tô Trần Văn D thực hiện ngày 03/5/2019 thì thấy: ngày 04 tháng 6 năm 2019, chị H làm đơn trình báo gửi Công an huyện Y. Ngày 07 tháng 6 năm 2019 Trần Văn D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú (bút lục 94). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y xác định bị cáo ra tự thú và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136; **Điều 23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 05 (năm) tháng tù thời hạn tù tính từ bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 07/6/2019 đến ngày 18/9/2019.

Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 7,4 cm, có 1 đầu dẹt, 1 đầu hình lục giác.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y 2b);
- Chi cục THA huyện Y(3b);
- Lưu HS.VP;

- Công an huyện Yên Dũng;*
- Trại tạm giam kẻ; Bị cáo.*
- *UBND xã Nham Sơn.;*

Bùi Thị Hương

